TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ RIỀNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 21-7-2024
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Đỗ Tấn Trường
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Văn Khuyến
Ông Nguyễn Sỹ Luận
- *Thư ký phiên toà*: Bà Vũ Thị Duyên -Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa*: Ông Ngô Văn Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2023/TLST-HN&GĐ ngày 22/11/2023 về việc "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 234/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn p, Xã p, Huyện p, Tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt)

+ Bị đơn: Bà Trương Thị Th, sinh năm 1993, địa chỉ: Địa chỉ: Thôn p, Xã p, Huyện p, Tỉnh Bình Phước.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 22 đường 1 Thôn x, Xã h, Huyện h, Tỉnh Thanh Hóa. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày*:*

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông và bà Trương Thị Th tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã p vào ngày 20/7/2015.

Qúa trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp với nhau về tính cách, thường xuyên cãi nhau, dẫn đến vợ chồng không thể sống chung được nữa, hiện tại vợ chồng đang sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Ông xác định cuộc sống hôn nhân không

hạnh phúc, không đạt được mục đích chung sống nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Trương Thị Th.

[2] *Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con*: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Bảo Tr, sinh năm 2015, hiện cháu đang sống chung với bà Th. Khi ly hôn ông đồng ý để cháu Bảo Tr cho bà Th trực tiếp nuôi. Về cấp dưỡng hai bên tự thỏa thuận.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Trương Thị Th trình bày: Bà thống nhất với toàn bộ lời khai của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T.

Về hôn nhân: Bà đồng ý ly hôn với ông T.

Về con chung, bà đề nghị được trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Bảo Tr, sinh năm 2015. Cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Thanh T. Về con chung thống nhất giao con chung cháu Nguyễn Thị Bảo Tr, sinh năm 2015 cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng, cấp dưỡng không xem xét, giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng*:

Ông Nguyễn Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn bà Trương Thị Th có nơi thường trú tại Thôn p, Xã p, huyện p, tỉnh Bình Phước. Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Ly hôn". Căn cứ các Điều 28; 35; 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51; 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T, bị đơn bà Trương Thị Th vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về nội dung vụ án*:

[a] Xét yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Thanh T, Hội đồng xét xử nhận định: Quan hệ hôn nhân giữa ông T, bà Th là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn ngày 20/7/2015 tại UBND xã p.

Cả ông T và bà Th điều thừa nhận hôn nhân của vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, cả hai hiện đang sống ly thân và xác định không thể sống chung với nhau được nữa. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã phân tích, giải thích cho ông T, bà Th các hệ lụy, hậu quả xảy ra khi ly hôn để vợ chồng đoàn tụ tiếp tục chung sống với nhau. Tuy nhiên, các bên xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục duy trì đời sống hôn nhân. Điều này cho thấy hôn nhân giữa ông T, bà Th đã trở lên trầm trọng, mục đích chung sống hạnh phúc không đạt được do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, ông T được ly hôn với bà Th.

[b] Về việc nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung cháu Nguyễn Thị Bảo Tr, sinh năm 2015. Khi cha mẹ ly hôn, việc giao con chưa thành niên cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cũng phải nhằm đảm bảo cho con sự phát triển tốt nhất cả về thể chất và tinh thần. Hiện cháu Bảo Tr đang sống chung với bà Th, quá trình giải quyết vụ án, cả ông T và bà Th điều thống nhất giao cháu Bảo Tr cho bà Th tiếp tục nuôi dưỡng, xét thấy nguyện vọng của ông T, bà Th là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Qúa trình giải quyết, các bên đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[c] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về án phí sơ thẩm*: Ông Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; 35; 39 và Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 51; 53; 56, 80, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh T được ly hôn với bà Trương Thị Th. Quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Thanh T và bà Trương Thị Th chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung cháu Nguyễn Thị Bảo Tr, sinh năm 2015 cho bà Trương Thị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0016488 ngày 22/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

[5] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Phú Riềng;
- THADS huyện Phú Riềng;
- Các đương sự;
- UBND xã p;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Đỗ Tấn Trường